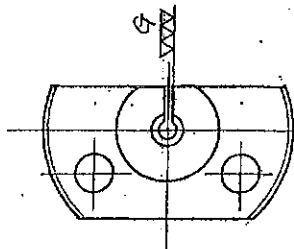
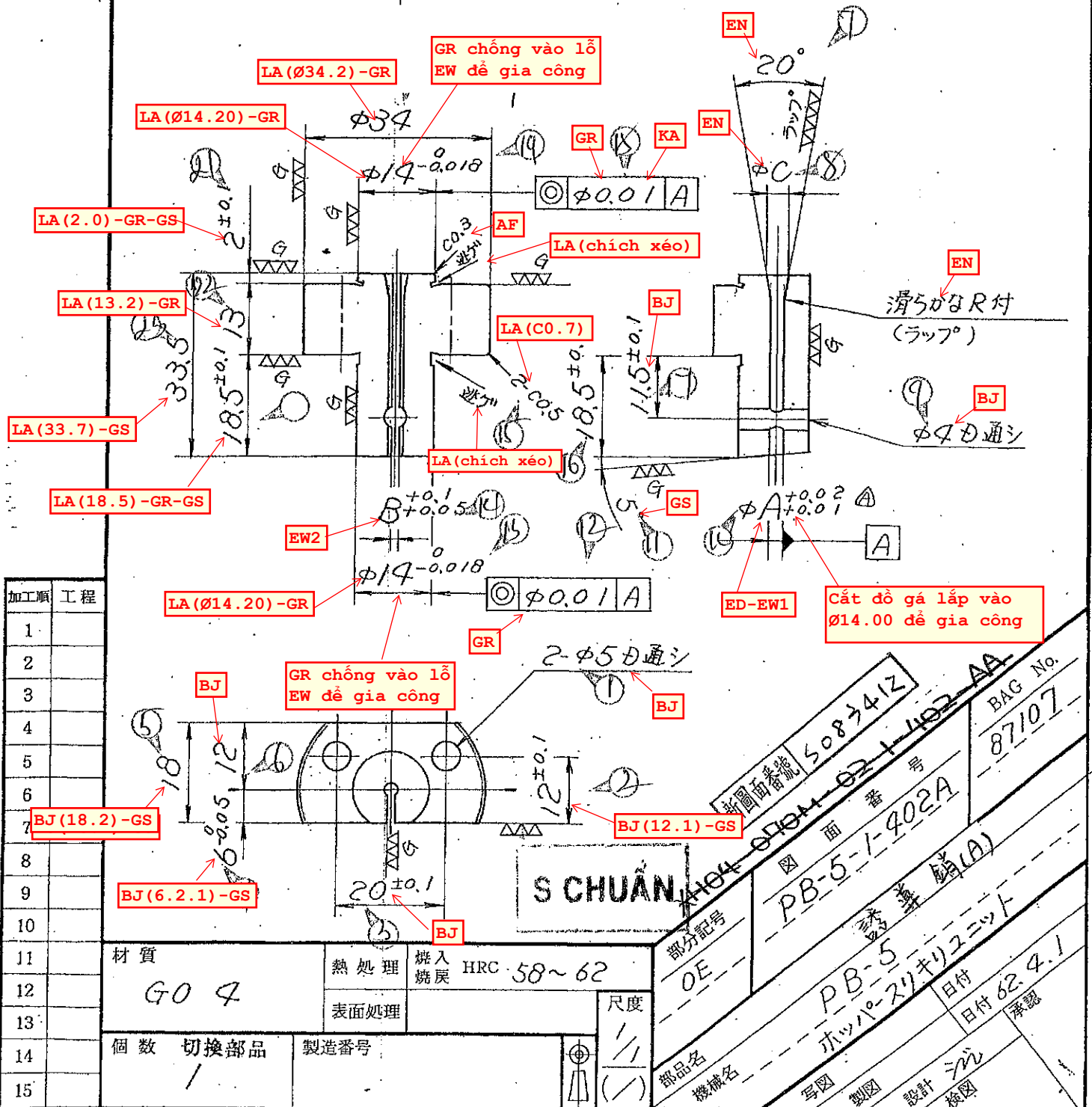


訂 正	改 番	日 付	訂 正 記 事	担 当	削り加工普通寸法公差	
	④	63.6.10	公差変更 $+0.03 \rightarrow +0.01$	シム	0.5以上6以下	$\pm 0.1$
					6ヲコエ30	$\pm 0.2$
					30~120	$\pm 0.3$
					120~315	$\pm 0.5$



規格	$\phi A \pm 0.02$	$B \pm 0.05$	$\phi C$	個数
$\phi 1.5$	1.5	0.7	3.5	
$\phi 2.0$	2.0	1.2	4.0	1
$\phi 2.3$	2.3	1.5	4.3	



SNO: **S083412**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>G04(SLDMG)</b> <b>Ø36*39</b>	LA:60 BJ:40 HT:40 ED:20 EW1:60 GR:75 KA:1 GS:60 EW2:60 EN:30 AF:20 KT